

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Công Tào	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Long	Thành viên
Ông Đặng Xuân Thọ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Thành	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2008)
Ông Đặng Xuân Thọ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất từng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm mục đích lập báo cáo tài chính một cách đúng đắn từ đó làm giảm đến mức tối thiểu những sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Hữu Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc, kiêm Phó Giám đốc
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 3 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.293.963.961.733	936.173.190.107
I. Tiền	110		77.643.507.863	38.692.488.822
1. Tiền	111	4	77.643.507.863	38.692.488.822
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.962.389.882	16.518.537.059
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.641.827.882	16.518.537.059
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.679.438.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		513.367.537.731	342.882.953.101
1. Phải thu khách hàng	131		272.226.842.831	234.455.278.684
2. Trả trước cho người bán	132		213.007.499.901	101.578.044.213
3. Các khoản phải thu khác	135		30.375.113.702	6.972.074.521
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.241.918.703)	(122.444.317)
IV. Hàng tồn kho	140	6	623.439.939.592	501.886.109.724
1. Hàng tồn kho	141		639.467.746.751	502.055.899.561
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.027.807.159)	(169.789.837)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74.550.586.665	36.193.101.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		565.875.281	1.166.298.164
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		70.727.516.903	33.280.566.203
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		109.955.060	163.643.702
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.147.239.421	1.582.593.332
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		303.772.787.521	240.740.105.698
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.144.256.672	1.444.494.394
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.144.256.672	1.444.494.394
II. Tài sản cố định	220		293.470.110.158	235.546.398.525
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	98.180.551.938	101.620.391.644
- Nguyên giá	222		194.290.148.683	189.847.374.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.109.596.745)	(88.226.982.781)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	102.744.132.501	102.607.178.451
- Nguyên giá	228		103.720.189.301	103.259.774.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(976.056.800)	(652.595.650)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	92.545.425.719	31.318.828.430
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.584.637.588	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	4.584.637.588	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.573.783.103	3.749.212.779
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.573.783.103	3.749.212.779
TỔNG TÀI SẢN	270		1.597.736.749.254	1.176.913.295.805

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.016.816.227.765	635.764.571.856
I. Nợ ngắn hạn	310		1.006.311.561.908	634.778.780.881
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	756.914.584.214	477.829.704.947
2. Phải trả người bán	312		87.495.326.601	76.080.087.297
3. Người mua trả tiền trước	313		7.071.678.240	6.015.957.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	58.166.107.247	28.532.903.692
5. Phải trả người lao động	315		41.979.335.633	26.408.216.438
6. Chi phí phải trả	316		15.333.139.078	5.215.409.434
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		39.351.390.895	14.696.501.175
II. Nợ dài hạn	330		10.504.665.857	985.790.975
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.133.263.838	963.253.138
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	9.137.270.195	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		234.131.824	22.537.837
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15	580.920.521.489	541.148.723.949
I. Vốn chủ sở hữu	410		569.550.775.380	532.128.792.701
1. Vốn điều lệ	411		490.640.000.000	482.535.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.564.720	54.564.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.910.633.105	2.606.381.238
4. Cổ phiếu quỹ	414		(23.623.467.366)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.821.266.211	5.212.762.477
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		81.747.778.710	41.702.099.812
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	15	11.369.746.109	9.037.915.702
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		11.369.746.109	9.037.915.702
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.597.736.749.254	1.176.913.295.805

Nguyễn Hữu Thành
Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007	
			2008	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.400.352.012.438	2.719.516.524.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(113.969.154.220)	(24.179.029.459)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.286.382.858.218	2.695.337.494.745
4. Giá vốn hàng bán	11		(4.902.622.561.020)	(2.496.219.232.749)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		383.760.297.198	199.118.261.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	16.208.934.285	10.140.995.579
7. Chi phí tài chính	22	17	(105.082.475.353)	(20.815.108.824)
8. Chi phí bán hàng	24		(166.995.267.739)	(107.804.055.351)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(45.293.718.329)	(31.044.987.868)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.597.770.062	49.595.105.532
11. Thu nhập khác	31		6.828.229.547	3.676.936.833
12. Chi phí khác	32		(1.083.671.059)	(986.624.801)
13. Lợi nhuận khác	40		5.744.558.488	2.690.312.032
14. Lợi nhuận trước thuế	50		88.342.328.550	52.285.417.564
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	(157.792.799)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		88.342.328.550	52.127.624.765
17. Lãi trên cổ phiếu	70	19	1.760	1.965

Nguyễn Hữu Thành**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Đào Văn Đại**Kế toán trưởng**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.342.328.549	52.285.417.564
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.240.534.015	11.960.332.171
Các khoản dự phòng	03	30.656.929.708	292.234.154
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.257.291.211)	354.326.105
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.738.098.643)	7.465.227
Lãi tiền gửi	06	(3.135.190.687)	(5.057.800.765)
Chi phí lãi vay	07	81.447.784.770	18.132.372.257
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	201.556.996.501	77.974.346.713
Tăng các khoản phải thu	09	(209.997.321.074)	(77.297.802.634)
Tăng hàng tồn kho	10	(137.411.847.190)	(458.388.328.097)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	84.429.692.504	(105.780.665.168)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	1.775.852.559	(3.029.330.582)
Tiền lãi vay đã trả	13	(84.589.200.531)	(18.132.372.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(13.028.242)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.539.218.950
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.953.213.162)	(2.947.306.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(151.189.040.393)	(584.075.267.647)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(57.335.071.410)	(71.130.685.625)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định và các tài sản khác	22	3.708.682.643	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.141.785.056)	(16.518.537.059)
4. Lãi tiền gửi đã thu	27	3.135.190.687	5.057.800.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.632.983.136)	(82.591.421.919)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	8.105.000.000	254.728.164.720
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(23.623.467.366)	(27.438.600.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.587.697.544.092	2.135.793.237.176
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.297.048.092.719)	(1.680.067.538.095)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.357.941.437)	-
6. Vốn hoàn trả về Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	37	-	(2.998.665.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	245.773.042.570	680.016.597.890
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm/kỳ	50	38.951.019.041	13.349.908.324
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	38.692.488.822	25.342.580.498
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	77.643.507.863	38.692.488.822

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 22.661.629.592 đồng (năm 2007: 11.290.410.587 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm các khoản phải trả.

Trong năm, Tổng Công ty đã dùng một số tài sản cố định trị giá 566.143.355 đồng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung. Giao dịch này không liên quan đến dòng tiền lưu chuyển do vậy không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Nguyễn Hữu Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Đào Văn Đại

Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và năm công ty con cùng một công ty liên kết, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 15 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 50.2% vốn điều lệ của Công ty mẹ, các cổ đông khác nắm giữ 49.8% vốn điều lệ còn lại.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại 12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 9 năm 2007, trong năm Công ty mẹ đã tiến hành các thủ tục chuyển đổi các xí nghiệp trực thuộc thành các công ty con, chi tiết các công ty con như sau:

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 3 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí biển; Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Distribution”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 4 tháng 2 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 1 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 5 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Quảng Ngãi”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam – Sông Trà và Chi nhánh Công ty mẹ tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “PCB”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 65201000077 ngày 11 tháng 9 năm 2008 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cấp với thời hạn hoạt động là 69 năm. Hoạt động chính của PCB là sản xuất bio-ethanol, gạch xi và thức ăn gia súc.

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Hội đồng quản trị Petro Việt Nam đã chấp thuận việc điều chỉnh cơ cấu vốn góp tại PCB, theo đó phần sở hữu tại PCB của Tổng Công ty giảm từ 51% xuống 30%.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính HP, Lenovo; xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; sản xuất vỏ bình khí và xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, báo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ban đầu trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình, trừ dây chuyền sản xuất vô bình khí, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc thiết bị	14,2% - 20%
Phương tiện vận tải	14,2% - 20%
Dụng cụ quản lý	20% - 25%
Tài sản cố định phúc lợi	0%

Dây chuyền sản xuất vô bình khí được tính khấu hao theo sản lượng sản phẩm sản xuất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng 22.000 m² đất thuộc khuôn viên Khách sạn Dầu khí Thanh Đa với thời gian sử dụng không xác định và quyền sử dụng 33.042 m² đất tại xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong 43 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong tám năm. Tài sản là quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không xác định không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sản xuất thử của dây chuyền sản xuất vỏ bình khí và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai hoặc ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Điều lệ, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

4. TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	2.033.824.003	3.323.994.809
Tiền gửi ngân hàng	75.609.683.860	35.368.494.013
	<u>77.643.507.863</u>	<u>38.692.488.822</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phiếu của các công ty niêm yết	17.641.827.882	16.518.537.059
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(12.679.438.000)	-
	<u>4.962.389.882</u>	<u>16.518.537.059</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	29.832.190.897	66.798.130.462
Nguyên liệu, vật liệu	19.525.353.668	18.199.741.055
Công cụ, dụng cụ	823.663.970	731.875.661
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.046.254.220	7.090.990.065
Thành phẩm	578.890.396.965	675.949.204
Hàng hoá	349.887.031	408.540.993.114
Hàng gửi đi bán	-	18.220.000
	639.467.746.751	502.055.899.561
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.027.807.159)	(169.789.837)
	623.439.939.592	501.886.109.724

Như trình bày tại Ghi chú số 12, Tổng Công ty đã thế chấp hàng tồn kho với tổng giá trị tối thiểu là 307.524.339.040 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Tài sản cố định phúc lợi <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2008	94.301.485.134	78.577.291.486	12.214.169.125	2.735.569.013	2.018.859.667	189.847.374.425
Tăng trong năm	51.025.282	2.905.183.771	3.565.599.240	476.865.997	20.603.636	7.019.277.926
Thanh lý, nhượng bán	(1.858.846.956)	(90.421.638)	-	(11.318.182)	-	(1.960.586.776)
Giảm khác	-	-	(615.916.892)	-	-	(615.916.892)
Tại ngày 31/12/2008	<u>92.493.663.460</u>	<u>81.438.893.619</u>	<u>15.163.851.473</u>	<u>3.154.276.828</u>	<u>2.039.463.303</u>	<u>194.290.148.683</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2008	(47.253.070.752)	(31.333.858.012)	(8.415.659.695)	(1.224.394.322)	-	(88.226.982.781)
Trích khấu hao trong năm	(3.826.393.095)	(3.209.911.313)	(1.613.746.626)	(267.021.831)	-	(8.917.072.865)
Giảm do thanh lý	902.915.734	85.251.387	-	1.835.655	-	990.002.776
Giảm khác	-	-	44.456.125	-	-	44.456.125
Tại ngày 31/12/2008	<u>(50.176.548.113)</u>	<u>(34.458.517.938)</u>	<u>(9.984.950.196)</u>	<u>(1.489.580.498)</u>	<u>-</u>	<u>(96.109.596.745)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	<u>42.317.115.347</u>	<u>46.980.375.681</u>	<u>5.178.901.277</u>	<u>1.664.696.330</u>	<u>2.039.463.303</u>	<u>98.180.551.938</u>
Tại ngày 31/12/2007	<u>47.048.414.382</u>	<u>47.243.433.474</u>	<u>3.798.509.430</u>	<u>1.511.174.691</u>	<u>2.018.859.667</u>	<u>101.620.391.644</u>

Tài sản cố định bao gồm cả một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 16.113.108.671 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2008	102.646.941.381	612.832.720	103.259.774.101
Tăng trong năm	-	460.415.200	460.415.200
Tại ngày 31/12/2008	<u>102.646.941.381</u>	<u>1.073.247.920</u>	<u>103.720.189.301</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2008	(584.130.353)	(68.465.297)	(652.595.650)
Trích khấu hao trong năm	<u>(117.355.220)</u>	<u>(206.105.930)</u>	<u>(323.461.150)</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>(701.485.573)</u>	<u>(274.571.227)</u>	<u>(976.056.800)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	<u>101.945.455.808</u>	<u>798.676.693</u>	<u>102.744.132.501</u>
Tại ngày 31/12/2007	<u>102.062.811.028</u>	<u>544.367.423</u>	<u>102.607.178.451</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm/kỳ	31.318.828.430	11.054.829.724
Tăng trong năm/kỳ	61.448.035.289	79.740.779.616
Kết chuyển sang tài sản cố định trong năm/kỳ	-	(51.088.689.666)
Ghi nhận vào chi phí trong năm/kỳ	-	(8.388.091.244)
Giảm khác trong năm	(221.438.000)	-
Số dư cuối năm/kỳ	<u>92.545.425.719</u>	<u>31.318.828.430</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối năm chủ yếu là giá trị dở dang của công trình Nhà máy Ethanol, Vũng Tàu và công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký 31/12/2008 VNĐ	Vốn điều lệ đã góp 31/12/2008 VNĐ	Tỉ lệ sở hữu %
Petrosetco Trading	39.500.000.000	39.500.000.000	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000	100
Petrosetco Vũng Tàu	22.500.000.000	22.500.000.000	100
Petrosetco Quảng Ngãi	29.000.000.000	29.000.000.000	100
Petrosetco Distribution	<u>92.000.000.000</u>	<u>92.000.000.000</u>	<u>100</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu Khí miền Trung. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 51%. Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Hội đồng quản trị Petro Việt Nam đã chấp thuận việc điều chỉnh cơ cấu vốn góp tại công ty này, theo đó tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty giảm từ 51% còn 30%.

Thông tin tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung cụ thể như sau:

31/12/2008

VNĐ

Tổng tài sản	13.569.644.576
Tổng nợ phải trả	(1.335.006.988)
Tài sản thuần	<u>12.234.637.588</u>

Công ty này chưa hoạt động chính thức nên không phát sinh doanh thu và chi phí trong năm 2008.

Tổng Công ty cùng Tổng Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh để thành lập Nhà máy sản xuất bình khí để sản xuất và kinh doanh vỏ bình khí, trong đó Tổng Công ty là Nhà điều hành và góp 60% vốn. Số liệu báo cáo về tài sản, công nợ, tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như doanh thu và chi phí trong năm của Nhà máy sản xuất bình khí đã được Tổng Công ty ghi nhận với tỉ lệ 60%, tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, cụ thể như sau:

	2008 <u>VNĐ</u>	2007 <u>VNĐ</u>
Tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12		
Tài sản cố định	46.554.616.682	45.456.706.627
Khấu hao lũy kế tài sản cố định	(3.631.277.892)	(2.165.899.718)
Tài sản dài hạn khác	50.501.299	749.305.182
Hàng tồn kho	19.473.833.420	21.094.857.497
Các khoản phải thu	5.351.612.582	16.787.952.522
Tài sản lưu động khác	37.800.000	216.792.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.249.612	2.535.097.988
Các khoản phải trả	(24.045.131.098)	(34.129.741.631)
	<u>43.928.204.605</u>	<u>50.545.070.467</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm		
Doanh thu	46.408.935.697	69.276.227.956
Giá vốn	(46.669.719.793)	(67.422.615.520)
Chi phí hoạt động	(6.353.068.859)	(2.669.089.347)
Lỗ	<u>(6.613.852.955)</u>	<u>(815.476.911)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Petro Việt Nam	-	86.451.410.178
Ngân hàng Thương mại Chinatrust	79.227.974.991	9.400.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	123.924.439.703	192.130.881.489
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	153.762.169.520	-
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	400.000.000.000	189.847.413.280
	756.914.584.214	477.829.704.947

Khoản vay Petro Việt Nam thể hiện số dư khoản thấu chi trên tài khoản trung tâm của Petro Việt Nam tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Khoản thấu chi này chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay vay một năm bằng 4,8%. Vào ngày 22 tháng 4 năm 2008, Công ty đã tắt toàn toàn bộ số dư khoản thấu chi trên tài khoản trung tâm của Petro Việt Nam tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Chinatrust là khoản tín dụng dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng với hạn mức là 6.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất SIBOR cộng 1,75% hoặc lãi suất huy động vốn cộng 1,75%. Thời hạn vay là một năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có hạn mức 430.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 10 năm 2009. Khoản vay này không có đảm bảo và có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam có hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 12 năm 2009. Khoản vay được giải ngân bằng đồng Việt Nam. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất lãi tiền vay một năm là 6.8%.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội được thực hiện dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng có hạn mức là 200.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 20 tháng 9 năm 2009. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng 13,6% trên số dư nợ vay là đồng Việt Nam hoặc từ 6% đến 7,5% trên số dư nợ vay là đô la Mỹ. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tổng Công ty với với tổng trị giá tối thiểu là 307.524.339.040 đồng tại ngày kết thúc niên độ.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	33.983.727.756	15.919.004.713
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.486.434	51.193.444
Thuế xuất nhập khẩu	21.988.020.586	12.058.523.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.764.557	144.764.557
Các loại thuế khác	2.032.107.914	359.417.470
	58.166.107.247	28.532.903.692

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Tại ngày 17 tháng 2 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền 41.000.000.000 đồng nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và được hoàn trả nửa năm một lần bắt đầu từ năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty đã giải ngân với tổng số tiền là 9.137.270.195 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>
Trong năm thứ hai	9.137.270.195
Số phải trả sau 12 tháng	<u>9.137.270.195</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	55.530.000	55.530.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	49.064.000	48.253.500
Số lượng cổ phiếu được phép mua lại	1.014.970	284.280
Số lượng cổ phiếu được phép bán ra	1.480.970	284.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa lưu hành	-	22.723.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	<u>48.924.963</u>	<u>25.530.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Quyết định số 169/UBCK-GCN ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty được phép phát hành 1.276.500 cổ phiếu dùng cho chương trình thu hút nhân tài trong năm, Tổng Công ty đã phát hành 810.500 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu theo chương trình thu hút nhân tài cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu và các quỹ trong năm như sau

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 29/9/2006	229.478.645.086	-	-	-	1.192.893.709	8.187.866.014	-	238.859.404.809
Tăng trong kỳ	256.055.020.825	54.564.720	2.606.381.238	27.438.600.000	5.212.762.477	4.355.032.488	52.127.624.765	347.849.986.513
Petro Việt Nam cấp	-	-	-	-	-	1.748.651.250	-	1.748.651.250
Phát hành thêm cổ phiếu	227.235.000.000	-	-	-	-	-	-	227.235.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	52.127.624.765	52.127.624.765
Phân phối quỹ	-	-	2.606.381.238	-	5.212.762.477	2.606.381.238	-	10.425.524.953
Điều chỉnh góp vốn cổ phần	28.820.020.825	-	-	-	-	-	-	28.820.020.825
Bán lại cổ phiếu quỹ	-	54.564.720	-	27.438.600.000	-	-	-	27.493.164.720
Giảm trong kỳ	(2.998.665.911)	-	-	(27.438.600.000)	(1.192.893.709)	(3.504.982.800)	(10.425.524.953)	(45.560.667.373)
Chuyển trả Petro Việt Nam	(2.998.665.911)	-	-	-	-	-	-	(2.998.665.911)
Điều chỉnh vốn góp cổ phần	-	-	-	-	(1.192.893.709)	-	-	(1.192.893.709)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(10.425.524.953)	(10.425.524.953)
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	(27.438.600.000)	-	-	-	(27.438.600.000)
Chi tiêu theo qui định	-	-	-	-	-	(3.504.982.800)	-	(3.504.982.800)
Tại ngày 31/12/2007	482.535.000.000	54.564.720	2.606.381.238	-	5.212.762.477	9.037.915.702	41.702.099.812	541.148.723.949
Tăng trong năm	8.105.000.000	-	4.304.251.867	-	8.608.503.734	6.025.952.614	88.342.328.550	115.386.036.765
Phát hành thêm cổ phiếu	8.105.000.000	-	-	-	-	-	-	8.105.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	88.342.328.550	88.342.328.550
Phân phối quỹ	-	-	4.304.251.867	-	8.608.503.734	6.025.952.614	-	18.938.708.215
Giảm trong năm	-	-	-	(23.623.467.366)	-	(3.694.122.207)	(48.296.649.652)	(75.614.239.225)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(18.938.708.215)	(18.938.708.215)
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	(23.623.467.366)	-	-	-	(23.623.467.366)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(29.357.941.437)	(29.357.941.437)
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	(3.694.122.207)	-	(3.694.122.207)
Tại ngày 31/12/2008	490.640.000.000	54.564.720	6.910.633.105	(23.623.467.366)	13.821.266.211	11.369.746.109	81.747.778.710	580.920.521.489

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 1624/SGDHCM - NY ngày 5 tháng 8 năm 2008, trong năm, Tổng Công ty đã mua lại 1.014.970 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với giá trị là 23.623.467.366 đồng.

Trong năm, Tổng Công ty đã tạm trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ với tỷ lệ lần lượt là 7%, 10% và 5% trên lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị là 18.938.708.215 đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DVTHDK ngày 23 tháng 4 năm 2008. Số liệu trích các quỹ sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê chuẩn việc chia cổ tức giai đoạn từ ngày 29 tháng 9 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 28.592.100.000 đồng. Trong năm, số cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông. Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định tạm chi 765.841.437 đồng cổ tức tính cho số cổ phiếu thu hút nhân tài theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Khoản chênh lệch này sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	3.135.190.687	5.057.800.765
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	156.811.527	4.965.193.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.257.291.211	89.998.140
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.659.640.860	28.003.074
	16.208.934.285	10.140.995.579

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	81.447.784.770	18.132.372.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.475.636.811	1.824.403.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	444.684.245
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	12.679.438.000	-
Chi phí tài chính khác	479.615.772	413.648.331
	105.082.475.353	20.815.108.824

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	88.342.328.550	52.285.417.564
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.257.291.211	3.069.665.605
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	13.699.110.093	-
Thu nhập được miễn thuế trong kỳ	-	(48.652.206.247)
Thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ	99.784.147.432	563.545.712
Thuế suất	0%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	157.792.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	-	157.792.799

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty mẹ có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Ban Giám đốc Công ty tin rằng các công ty con cũng được hưởng chính sách ưu đãi giống như Công ty mẹ, vì thế, trong năm, Ban Giám đốc Tổng Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp tại các công ty con. Cho đến ngày của báo cáo này, cơ quan thuế chưa có ý kiến chính thức về việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với các công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được tạm tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Lợi nhuận thuần sau thuế (đồng)	88.342.328.550	52.127.624.765
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đồng)	2.257.291.211	89.998.140
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	86.085.037.339	52.037.626.625
Cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	48.924.963	26.486.322
Lãi trên cổ phiếu	1.760	1.965

20. CAM KẾT VỐN

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Đã ký hợp đồng	49.686.680.934	-

Các cam kết vốn thể hiện số tiền cho các hợp đồng xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc thiết bị sẽ được thanh toán trong năm tiếp theo.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm/kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2008 VNĐ	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007 VNĐ
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên của PetroViệt Nam	29.173.137.800	63.195.375.233
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	142.176.261.220	171.280.001.454
Vay vốn		
Petro Việt Nam - nhận nợ vay	2.263.359.868.816	1.124.237.235.314
Petro Việt Nam - hoàn trả nợ vay	(2.349.811.278.994)	(733.037.208.962)
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	409.137.270.195	189.847.413.280

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các nghiệp vụ khác		
Chi trả cổ tức cho Petro Việt Nam	14.765.571.000	
Petro Việt Nam cấp vốn và quỹ	-	1.748.651.250
Chuyển nộp Petro Việt Nam	-	2.998.665.911
Chi tiền mua lại Công ty Liên doanh Petro Việt Nam - Sông Trà	-	
		<u>7.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương	2.606.845.884	1.469.055.391
Tiền thưởng	2.256.092.554	959.531.749
Các khoản phúc lợi khác	159.200.000	6.000.000
	<u>5.022.138.438</u>	<u>2.434.587.140</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu		
Phải thu từ các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	492.509.580	19.457.284.223
Phải thu từ các công ty liên doanh/liên doanh điều hành của Petro Việt Nam	13.293.120.079	8.816.106.776
Phải thu khác		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.800.000.000	-
Phải trả		
Phải trả khác Petro Việt Nam	2.612.500.000	86.451.410.178
Phải trả các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	10.917.427.896	14.958.015.447
Các khoản vay		
Petro Việt Nam	-	86.451.410.178
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	409.137.270.195	189.847.413.280

23. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2009.